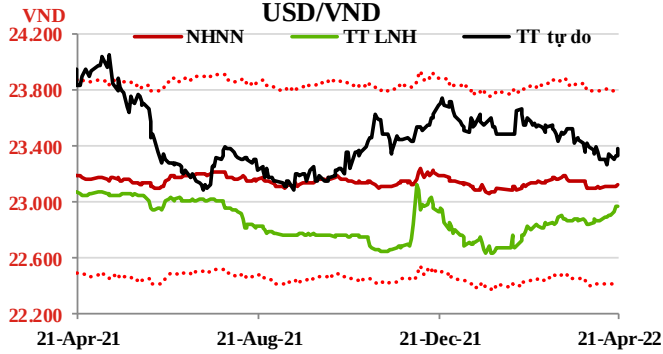


## Tin trong nước ngày 21/04

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 21/04, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.123 VND/USD, tăng 06 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán kỳ hạn 3 tháng được NHNN duy trì niêm yết lần lượt ở mức 22.550 VND/USD và 23.050 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.966 VND/USD, chỉ tăng 01 đồng so với phiên 20/04. Tỷ giá trên thị trường tự do giữ nguyên ở cả hai chiều mua và bán ra, giao dịch tại 23.300 VND/USD và 23.380 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 21/04, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,02 – 0,28 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống, cụ thể: ON 1,62%; 1W 1,98%; 2W 2,13% và 1M 2,25%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,09 – 0,11 đpt ở tất cả kỳ hạn; giao dịch tại: ON 0,45%; 1W 0,52%; 2W 0,58%, 1M 0,65%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở các kỳ hạn 3Y và 5Y trong khi tăng ở các kỳ hạn còn lại, cụ thể: 3Y 2,02%; 5Y 2,23%; 7Y 2,56%; 10Y 3,06%; 15Y 3,22%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Có 306,96 tỷ đồng trúng thầu, trong khi có 287,1 tỷ đồng đáo hạn. Như vậy, NHNN bơm ròng 19,86 tỷ đồng ra thị trường, đưa khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố tăng lên mức 2.490,33 tỷ đồng.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, thị trường tiếp tục giảm mạnh khi hàng loạt các cổ phiếu có yếu tố đầu cơ bị bán giá sàn và nhiều cổ phiếu lớn lao dốc mạnh. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tiếp tục giảm 14,51 điểm (-1,05%) xuống 1.370,21 điểm; HNX-Index sụt 13,43 điểm (-3,53%) còn 366,61 điểm; UPCOM-Index giảm 1,51 điểm (-1,42%) xuống 104,89 điểm. Thanh khoản thị trường hồi phục nhẹ so với phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt trên 27.300 tỷ VND. Khối ngoại tiếp tục mua ròng hơn 917 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Liên bộ Công Thương - Tài chính công bố quyết định điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu, áp dụng từ 21/04; theo đó, giá xăng tăng hơn 600 đồng/lít; giá dầu tăng hơn 800 đồng/lít.** Cụ thể, giá bán xăng dầu như sau: Xăng E5RON92: không cao hơn 27.134 đồng/lít (tăng 663 đồng/lít so với giá bán lẻ hiện hành); Xăng RON95-III: 27.992 đồng/lít (tăng 675 đồng/lít); Dầu diesel 0.05S: 25.359 đồng/lít (tăng 979 đồng/lít); Dầu hỏa: 23.828 đồng/lít (tăng 801 đồng/lít); Dầu mazut 180CST 3.5S: 21.800 đồng/kg (tăng 871 đồng/kg).



### Lãi suất LNH

### Trái phiếu

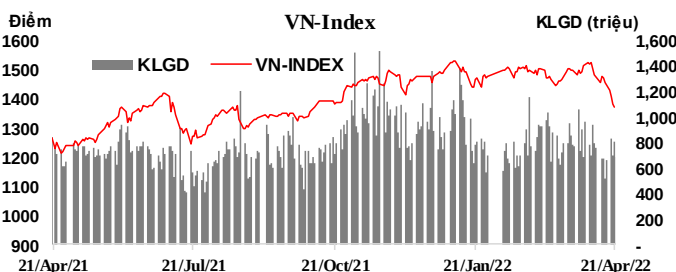
| Kỳ hạn | VND  | D/D   | USD  | D/D  | Kỳ hạn | Lợi suất | D/D    |
|--------|------|-------|------|------|--------|----------|--------|
| ON     | 1.62 | -0.28 | 0.45 | 0.09 | 3Y     | 2.02     | -0.040 |
| 1W     | 1.98 | -0.16 | 0.52 | 0.10 | 5Y     | 2.23     | -0.017 |
| 2W     | 2.13 | -0.06 | 0.58 | 0.11 | 7Y     | 2.56     | 0.007  |
| 1M     | 2.25 | -0.02 | 0.65 | 0.10 | 10Y    | 3.06     | 0.005  |
| 2M     | 2.42 | 0.00  | 0.78 | 0.09 | 15Y    | 3.22     | 0.002  |
| 3M     | 2.48 | 0.00  | 0.83 | 0.07 |        |          |        |
| 6M     | 2.65 | 0.00  | 1.01 | 0.08 |        |          |        |
| 9M     | 2.80 | 0.10  | 1.25 | 0.03 |        |          |        |
| 1Y     | 2.92 | 0.02  | 1.34 | 0.04 |        |          |        |

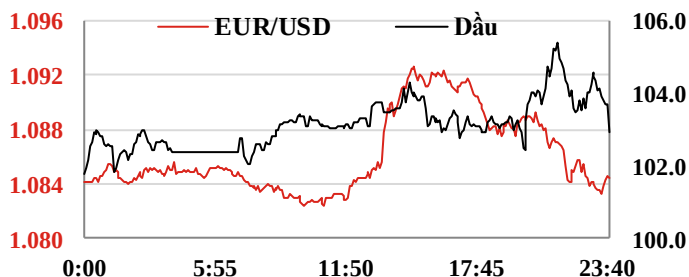
Nguồn: Reuters

### Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

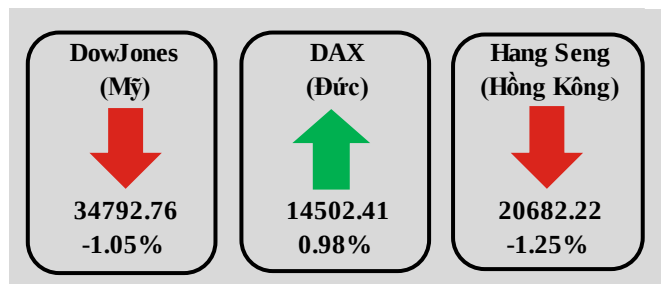
| Ngày     | Phiên | Kỳ hạn (ngày) | Lãi suất (%) | KL gọi thầu | KL trúng | KL đến hạn | Bơm/hút ròng | KL lưu hành |
|----------|-------|---------------|--------------|-------------|----------|------------|--------------|-------------|
| 21-04-22 | 1     | 14            | 2.50         | 10,000      | 306.96   | 287.10     | 19.86        | 2,490.33    |
| 20-04-22 | 1     | 14            | 2.50         | 10,000      | 518.43   | 306.00     | 212.43       | 2,470.47    |
| 19-04-22 | 1     | 14            | 2.50         | 10,000      | 358.97   |            |              | 2,258.04    |

|                  | VN-Index | HNX-Index | Upcom   |
|------------------|----------|-----------|---------|
| Điểm             | 1370.21  | 366.61    | 104.89  |
| %/ngày           | -1.05%   | -3.53%    | -1.42%  |
| %/31/12/2021     | -8.55%   | -22.7%    | -6.9%   |
| KLGD (tr.đ.v)    | 810.67   | 99.53     | 74.5    |
| GTGD (tỷ đ)      | 23787.30 | 2257.08   | 1260.64 |
| NĐTNN mua (tỷ đ) | 2397.03  | 19.89     | 0.58    |
| NĐTNN bán (tỷ đ) | 1462.07  | 37.40     | 0.41    |





|                   | 21 Apr 22 | Ngày (%) | Tuần (%) | Đầu năm (%) |
|-------------------|-----------|----------|----------|-------------|
| USD index         | 100.58    | 0.19%    | 0.26%    | 4.80%       |
| USD/CNY           | 6.45      | 0.49%    | 1.14%    | 1.54%       |
| USD/EUR           | 0.92      | 0.13%    | -0.08%   | 4.91%       |
| USD/JPY           | 128.39    | 0.40%    | 2.01%    | 11.57%      |
| USD/KRW           | 1242.81   | 0.74%    | 1.03%    | 4.62%       |
| USD/SGD           | 1.36      | 0.02%    | 0.58%    | 1.10%       |
| USD/TWD           | 29.27     | 0.18%    | 0.80%    | 5.64%       |
| USD/THB           | 33.90     | 0.41%    | 0.65%    | 2.02%       |
| USD/VND Trung tâm | 23123     | 0.03%    | 0.07%    | -0.10%      |
| USD/VND LNH       | 22966     | 0.00%    | 0.28%    | 0.75%       |
| USD/VND tự do     | 23300     | 0.00%    | 0.15%    | -0.64%      |
| Vàng              | 1951.50   | -0.30%   | -1.12%   | 6.73%       |
| Dầu               | 103.79    | 1.01%    | -2.95%   | 38.00%      |



| LIBOR  |        |        | SIBOR  |        |
|--------|--------|--------|--------|--------|
| Kỳ hạn | USD    | TĐ     | USD    | TĐ     |
| ON     | 0.3264 | 0.0030 |        |        |
| 1M     | 0.6679 | 0.0363 | 0.6705 | 0.0000 |
| 3M     | 1.1840 | 0.0477 | 0.9750 | 0.0000 |
| 6M     | 1.7216 | 0.0470 | 0.8211 | 0.0000 |
| 1Y     | 2.4404 | 0.0716 |        |        |

Số liệu ngày SIBOR 20/04/2022

## Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

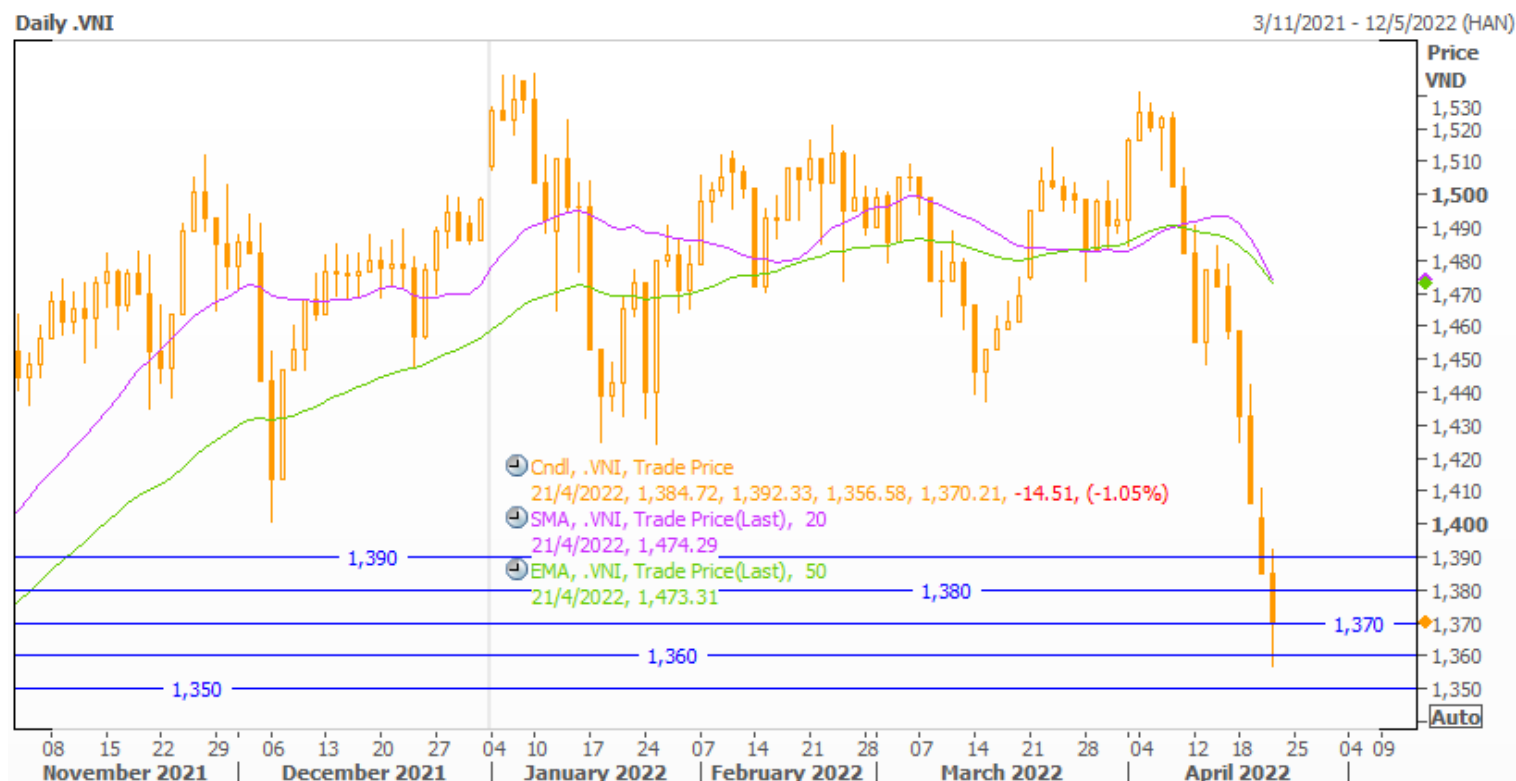
| NHTW      | Đồng tiền | Kỳ trước | Kỳ này | Ngày thay đổi | Cuộc họp tới |
|-----------|-----------|----------|--------|---------------|--------------|
| Mỹ        | USD       | 0,25%    | 0,50%  | 16/03/2022    | 03/05/2022   |
| Châu Âu   | EUR       | 0,05%    | 0,00%  | 10/02/2016    | 09/06/2022   |
| Anh       | GBP       | 0,50%    | 0,75%  | 17/03/2022    | 05/05/2022   |
| Nhật      | JPY       | 0,10%    | -0,10% | 28/01/2016    | 27/04/2022   |
| Australia | AUD       | 0,25%    | 0,10%  | 03/11/2020    | 03/05/2022   |

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

## Tin quốc tế

- Chủ tịch Fed có những phát biểu quan trọng liên quan tới thị trường lao động và LSCS.** Trong cuộc họp hôm qua với IMF và World Bank tại Washington, Chủ tịch Fed Jerome Powell cho biết việc tăng LSCS 50 điểm cơ bản sẽ được đưa ra bàn luận ở cuộc họp đầu tháng 05/2022. Bên cạnh đó, ông kỳ vọng lạm phát sẽ đạt đỉnh ở đâu đó quanh mức hiện tại. Những phát biểu của Chủ tịch Fed trùng với dự báo của CME, khi tổ chức này dự báo có 98% khả năng Fed sẽ tăng LSCS 50 điểm trong cuộc họp sắp tới. Thậm chí sau đó, Fed có thể có một đợt tăng rất mạnh LSCS 100 điểm cơ bản ngay trong tháng 06/2022, và sẽ liên tục tăng cho đến cuối năm. Kết thúc năm 2022, LSCS của Fed có thể trong khoảng 2,75% - 3,0%; cao hơn 25 đpt so với những gì được chính CME dự báo cách đây ít ngày. Dữ liệu cho thấy, chỉ số lạm phát PCE của Mỹ tăng 5,4% y/y trong tháng 2, và tỷ lệ thất nghiệp của nước này đang ở quanh mức 3,6%, là những điều kiện thích hợp để Fed có thể đẩy nhanh quá trình thu hẹp CSTT nới lỏng. Liên quan tới thị trường lao động Mỹ, Bộ Lao động nước này hôm qua thông báo số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu trong tuần kết thúc ngày 16/04 ở mức 184 nghìn đơn, gần như đi ngang so với mức 185 nghìn đơn của tuần trước đó và cao hơn mức 177 nghìn đơn theo dự báo của các chuyên gia.
- CPI tại Eurozone được điều chỉnh giảm so với sơ bộ.** Cụ thể, Văn phòng Thống kê Liên minh Châu Âu Eurostat cho biết CPI toàn phần và CPI lõi của Eurozone chính thức tăng lần lượt 7,4% và 2,9% y/y trong tháng 3, cùng điều chỉnh giảm 0,1 đpt so với mức tăng 7,5% và 3,0% theo kết quả thống kê sơ bộ. Tuy nhiên đây vẫn là đà tăng CPI y/y lớn nhất của khu vực này trong 25 năm. Liên quan tới lĩnh vực tiêu dùng, chỉ số niềm tin của khu vực này ở mức -17 điểm trong tháng 4, tăng nhẹ từ mức -19 điểm của tháng trước và trái với dự báo giảm xuống mức -20 điểm. Mặc dù vậy, đây vẫn là mức niềm tin tiêu dùng thấp thứ 2 tính từ đầu năm 2020 tới nay.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

| Ngày    | Giờ VN | Mức độ ảnh hưởng | Chỉ số kinh tế                                   | Kỳ này | Dự báo | Kỳ trước |
|---------|--------|------------------|--------------------------------------------------|--------|--------|----------|
| 21 - 04 | 16:00  | *                | CCPI chính thức Eurozone yy T3                   | 7.4    | 7.5    | 7.5      |
| 21 - 04 | 19:30  | **               | Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ we | 184K   | 177K   | 185K     |
| 22 - 04 | 13:00  | **               | Doanh số bán lẻ Anh mm T3                        |        | -0.3   | -0.3     |
| 22 - 04 | 14:30  | ***              | PMI sơ bộ lĩnh vực sản xuất Đức T4               |        | 54.6   | 56.9     |
| 22 - 04 | 14:30  | ***              | PMI sơ bộ lĩnh vực dịch vụ Đức T4                |        | 55.4   | 56.1     |
| 22 - 04 | 15:30  | **               | PMI sơ bộ lĩnh vực sản xuất Eurozone T4          |        | 54.9   | 56.5     |
| 22 - 04 | 15:30  | **               | PMI sơ bộ lĩnh vực dịch vụ Eurozone T4           |        | 55.0   | 55.6     |
| 22 - 04 | 16:00  | **               | PMI sơ bộ lĩnh vực sản xuất Anh T4               |        | 53.9   | 55.2     |
| 22 - 04 | 16:00  | **               | PMI sơ bộ lĩnh vực dịch vụ Anh T4                |        | 59.9   | 62.6     |



VN-Index tiếp tục giảm mạnh xuống mức 1384,72 điểm. Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần, VN-Index vẫn có thể hồi phục trở lại nếu ngưỡng hỗ trợ quan trọng quanh 1.350 điểm được giữ vững.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.370 – 1.360

Ngưỡng kháng cự: 1.390 – 1.400

## NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

### TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

#### Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: tranghtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: [Research@msb.com.vn](mailto:Research@msb.com.vn)